TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 48, 21 - 25/11/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Sắc xanh được duy trì sau một tuần giao dịch nhiều biến động"

Chứng khoán toàn cầu mở rộng đà tăng nhưng giao dịch đã bắt đầu giằng co hơn. Dữ liệu PMI ước tính tốt hơn kỳ vọng tạo ra sự lạc quan ở các thị trường châu Âu. Ở phố Wall, biên bản họp FOMC cho thấy các quan chức FED vẫn ủng hộ việc tăng lãi suất chậm lại cho tháng tới, nhưng lưu ý về chu kỳ thắt chặt có thể chưa sớm để dừng lại. Chốt tuần, Dow Jones, S&P 500 tăng lần lượt 1.8% và 1.7%. Chứng khoán châu Âu khởi sắc với Stoxx Euro nhảy vọt 1.7%. Chứng khoán châu Á phân hóa khi Nikkei tăng 1.5%, còn Hang Seng giảm 2.3% sau chuỗi tuần phục hồi, Kospi cũng giảm nhẹ 0.3%.

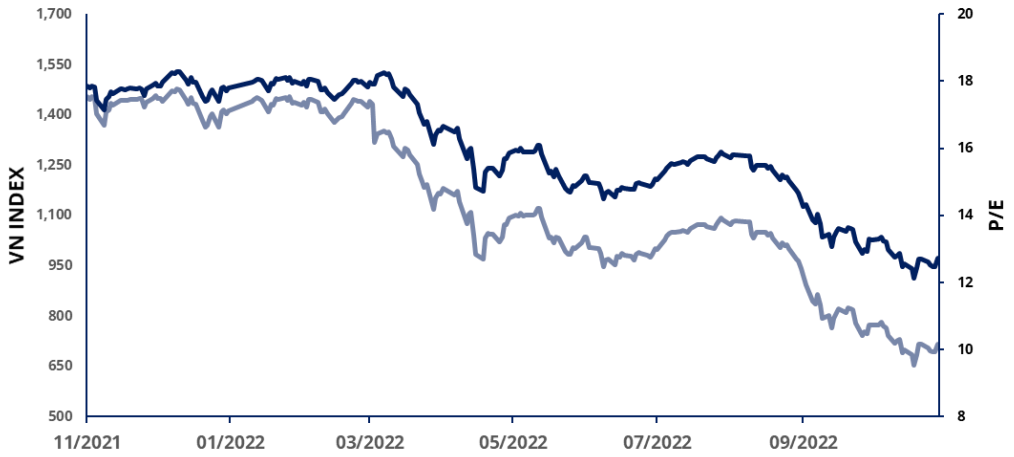
Dầu thô có tuần sụt giảm mạnh, mất gần 5% và nối tiếp đà giảm từ tuần trước đó, đưa giá dầu WTI về quanh mức 76 USD/thùng. Các lo ngại dai dẳng về nhu cầu của Trung Quốc khi những ca nhiễm Covid mới vẫn còn phức tạp, đồng thời, những diễn biến liên quan đến giới hạn giá của G7 đối với dầu của Nga tiếp tục chi phối tâm lý giới đầu tư. Tỷ giá khởi sắc hơn khi đồng USD tiếp tục suy yếu, chỉ số dollar đã rơi về dưới mức 106, tuy nhiên, quán tính giảm có vẻ đang chững lại.

Chứng khoán Việt Nam có tuần giao dịch đầy biến động sau tuần tạo đáy trước đó, lực bán chốt lời hiện hữu và chỉ số đã phản ứng khá tốt ở vùng giá thấp để đóng cửa trong sắc xanh. Chốt tuần, VN-Index tăng 2.1 điểm (+0.2%) lên mức 971.5 điểm; HNXIndex cũng tăng 5.9 điểm (+3.1%) lên 197 điểm. Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong khi NĐT cá nhân trong nước bán ròng. Đa số nhóm ngành nối tiếp đà phục hồi, nhóm ngân hàng quốc doanh quay trở lại vai trò dẫn dắt (BID, CTG), cùng với sự đi lên của nhóm trụ (VNM, VIC, VRE) tạo thêm động lực cho thị trường. Ở chiều ngược lại, nhóm bán lẻ đóng vai trò tiêu cực. Về tâm điểm tuần sau, ở Hoa Kỳ, báo cáo thị trường lao động chiếm vị trí trung tâm, đồng thời dữ liệu ước tính GDP, cũng như niềm tin người tiêu dùng cũng được quan tâm. Bên cạnh đó, sự chú ý cũng hướng đến việc công bố tỷ lệ lạm phát cho Khu vực đồng Euro, Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Hàn Quốc và Indonesia.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số đóng cửa tuần tạo mẫu hình nến Doji, cao hơn mức phục hồi của tuần trước đó. Điều này hàm ý dòng tiền bắt đầu tham gia mạnh trở lại đã tạo động lực cho chỉ số không giảm quá sâu để đi lên mức cao hơn. Nếu loại trừ đà giảm ở NVL, PDR, có lẽ thị trường đã vượt được kháng cự 980 điểm, ứng với MA20 ngày, đây là tín hiệu tốt. Khớp lệnh duy trì ở mức cao đồng thuận. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho thấy sự cải thiện đi lên. Nhìn chung, kịch bản phục hồi đang được ủng hộ, do vậy, chiến lược có thể gia tăng tỷ trọng ở những nhịp điều chỉnh. Kháng cự gần nhất cho xu hướng là ngưỡng 1,050 điểm, trong khi hỗ trợ được nâng lên là ngưỡng 920 điểm.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	971	0.2	-5.4	-24.3	-35.2		10.2	1.6	156
Upcom Index	68	1.9	-10.1	-26.3	-39.3		10.9	1.2	38
HNX Index	197	3.1	-7.9	-34.3	-58.5		12.5	1.1	9
VN30 Index	967	-0.4	-6.0	-26.0	-37.0		8.3	1.5	113
S&P 500 Index	4,026	1.7	3.2	-0.8	-15.5		19.5	4.1	35,151
STOXX Europe 600 Index	441	1.7	7.3	3.4	-9.6		15.1	1.8	12,682
Hang Seng	17,574	-2.3	18.2	-12.9	-24.9		6.5	0.7	2,477
Nikkei 225	28,283	1.5	4.3	-1.3	-1.8		19.1	1.6	3,586
SHCOMP Index	3,102	0.1	6.4	-4.2	-14.8		13.9	1.4	6,140
STI Index	3,245	-0.9	6.1	-0.2	3.9		11.6	1.1	365
KOSPI Index	2,438	-0.3	7.5	-1.7	-18.1		11.5	0.9	1,406

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-0.2	-3.6	-29.5	-12.8	-2.7	-3.5	63.3	-3.7	10.2	1.7	3,314,213
Mid Cap	2.6	-15.7	-48.7	3.9	3.9	-27.2	34.8	3.9	9.6	0.9	485,324
Small Cap	2.5	-10.9	-53.4	-17.1	-10.1	-43.9	1.9	-0.2	9.6	0.6	71,783

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dầu khí	11.0	-8.5	-46.4	-8.2	-12.0	-46.7	1.4	0.0	47.4	1.6	43,399
Công nghiệp	3.6	-9.0	-37.1	-8.3	-8.9	-39.5	7.8	0.0	9.9	0.9	189,229
Nguyên vật liệu	2.9	-15.2	-53.9	-18.9	-16.3	-27.1	14.3	-2.0	5.7	0.9	243,706
Hàng Tiêu dùng	2.8	1.1	-18.1	-8.9	-2.6	-29.8	10.4	-0.1	14.8	2.5	577,101
Ngân hàng	1.7	0.4	-27.0	-29.3	-19.3	0.5	20.4	-6.2	7.1	1.3	1,262,606
Công nghệ Thông tin	0.8	-6.3	-14.4	-51.1	-28.5	-38.8	0.9	-0.8	14.5	2.5	89,535
Dược và Y tế	-0.5	-4.3	-25.3	-32.5	-24.3	-29.4	0.2	-0.1	12.3	1.7	29,094
Tài chính	-2.5	-10.1	-45.9	24.7	33.6	10.0	38.9	10.1	13.8	1.3	911,651
Tiện ích Cộng đồng	-4.5	-5.5	3.3	-21.0	-10.6	-46.2	1.8	-0.3	12.8	2.0	304,003
Dịch vụ Tiêu dùng	-4.9	-19.5	-39.6	-20.6	-19.6	-41.1	3.8	-0.6	n.a	3.0	160,963

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

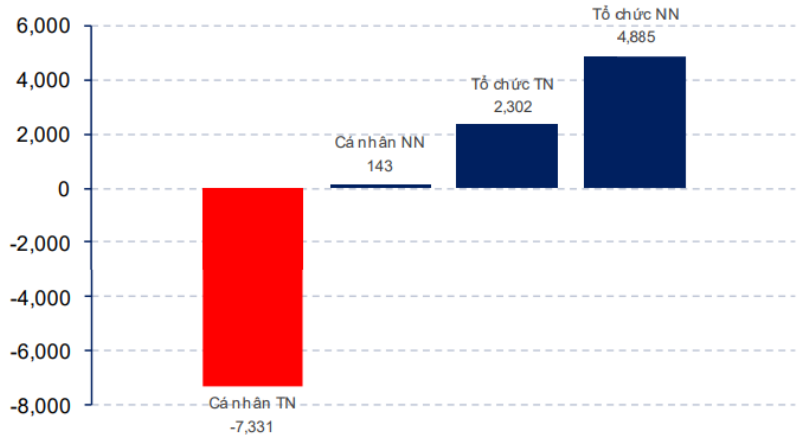
Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,584**	**21.72**	**224.98**	**295.8**	**436.6**
Nước ngoài	**1,595**	**20.74**	**188.75**	**260.9**	**467.5**
VanEck Vectors Vietnam ETF	333	3.98	33.73	47.6	33.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	558	0.00	93.13	150.7	599.7
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	358	10.98	40.19	40.2	-9.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	221	5.78	14.40	16.8	-57.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	98	0.00	8.71	8.7	-101.9
Premia MSCI Vietnam ETF	14	0.00	-1.94	-3.6	-1.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	3	0.00	0.53	0.5	-7.9
Asian Growth CUBS ETF	10	0.00	0.00	0.0	13.0
Trong nước	**989**	**0.98**	**36.23**	**34.9**	**-30.9**
DCVFMVN Diamond ETF	568	0.00	0.00	0.0	-100.7
DCVFMVN30 ETF Fund	272	2.38	23.55	24.0	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	109	0.00	18.20	16.2	0.1
MAFN VN30 ETF	25	-1.29	-5.48	-5.5	62.3
SSIAM VNX50 ETF	8	-0.11	-0.05	0.1	2.3
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.00	0.00	0.00	5.2

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-48,296	-102,234	-187,530
Ấn độ	119	3,022	4,048	-18,505
Indonesia	127	-82	648	5,483
Nhật Bản	32	6,362	18,575	221
Maylaysia	-7	-32	-160	1,434
Philippines	42	121	110	-1,115
Hàn Quốc	354	2,196	4,325	-9,192
Sri Lanka	0	-1	6	43
Đài Loan	926	5,785	2,754	-41,814
Thái Lan	150	612	839	5,356
Việt Nam	59	374	293	240

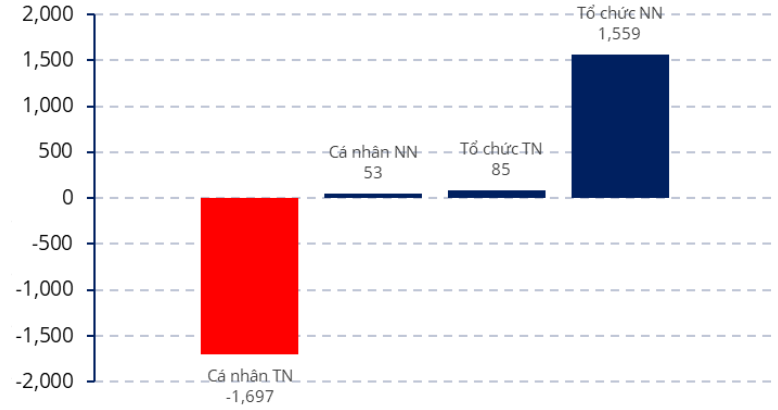
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Tuần trước đó



Tuần vừa qua



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NVL	Bất động sản	20.45 - 91.00	20.5	-24.95%
2	PDR	Bất động sản	12.90 - 73.22	12.9	-24.56%
3	HPX	Bất động sản	9.82 - 40.50	9.8	-24.46%
4	IBC	Dịch vụ tài chính	12.55 - 23.00	12.6	-20.57%
5	SRF	Sản xuất nông nghiệp	8.06 - 21.10	8.1	-13.98%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.00%	18.2	13.60 - 27.20	Xây dựng và Vật liệu	VSI
28.11%	18.0	12.65 - 21.50	Thực phẩm và đồ uống	SCD
28.00%	2.2	1.27 - 14.85	Xây dựng và Vật liệu	MCG
26.90%	6.8	4.78 - 26.80	Bất động sản	DTA
21.95%	2.2	2.40 - 21.80	Dịch vụ tài chính	APG

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NRC	Bất động sản	4.50 - 30.48	4.5	-32.84%
2	V12	Xây dựng và Vật liệu	11.10 - 28.30	11.1	-22.92%
3	VC2	Xây dựng và Vật liệu	6.70 - 62.71	8.0	-20.00%
4	NBW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	18.00 - 38.00	18.0	-18.18%
5	MST	Xây dựng và Vật liệu	4.00 - 19.90	4.2	-16.00%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
45.69%	38.9	16.50 - 420.87	Xây dựng và Vật liệu	L14
27.86%	45.9	22.30 - 126.79	Bất động sản	CSC
24.68%	9.6	4.90 - 42.09	Bất động sản	API
23.33%	7.4	3.80 - 54.20	Dịch vụ tài chính	APS
22.78%	9.7	6.50 - 34.90	Công nghệ Thông tin	UNI

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	BMN	Xây dựng và Vật liệu	7.80 - 44.60	13.0	-39.81%
2	DOP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.80 - 18.60	9.0	-37.50%
3	BVN	Hàng cá nhân & Gia dụng	7.60 - 19.20	7.6	-30.28%
4	VNX	Truyền thông	34.90 - 73.50	36.9	-27.50%
5	DND	Xây dựng và Vật liệu	12.70 - 33.00	12.7	-27.43%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
62.09%	29.5	18.20 - 36.00	Tài nguyên Cơ bản	VIM
49.23%	9.7	6.50 - 16.70	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TNW
49.22%	47.9	31.90 - 66.40	Xây dựng và Vật liệu	CCM
48.57%	5.2	3.40 - 23.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SVG
44.74%	167.9	75.20 - 206.80	Thực phẩm và đồ uống	IDP

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB N ngày (Triệu VND)	%1W	Giá	Biến động 52 tuần	%1W
1	PDR	BĐS Phát Đạt	Bất động sản	87,748.4	1,768.8	12.9	12.90 - 73.22	-29.7
2	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	557,029.4	1,600.7	20.5	20.45 - 91.00	-30.1
3	PDN	Cảng Đồng Nai	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	849.3	582.1	129.2	88.30 - 142.00	0.1
4	DHC	Đông Hải Bến Tre	Tài nguyên Cơ bản	19,957.1	532.0	35.5	28.90 - 95.10	1.3
5	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2,974.9	520.4	33.8	25.15 - 42.40	13.0
6	PAC	Pin Ắc quy Miền Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	463.1	123.7	35.1	26.50 - 39.50	15.8
7	KHG	BĐS Khải Hoàn Land	Bất động sản	16,343.5	71.9	4.4	3.78 - 17.34	-2.9
8	PLX	Petrolimex	Dầu khí	34,016.0	58.7	28.3	22.95 - 65.90	12.5
9	SCR	Sacomreal	Bất động sản	29,178.1	45.9	5.3	3.59 - 24.91	13.0
10	CTF	City Auto	Ô tô và phụ tùng	13,235.3	40.7	27.5	17.80 - 29.00	3.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

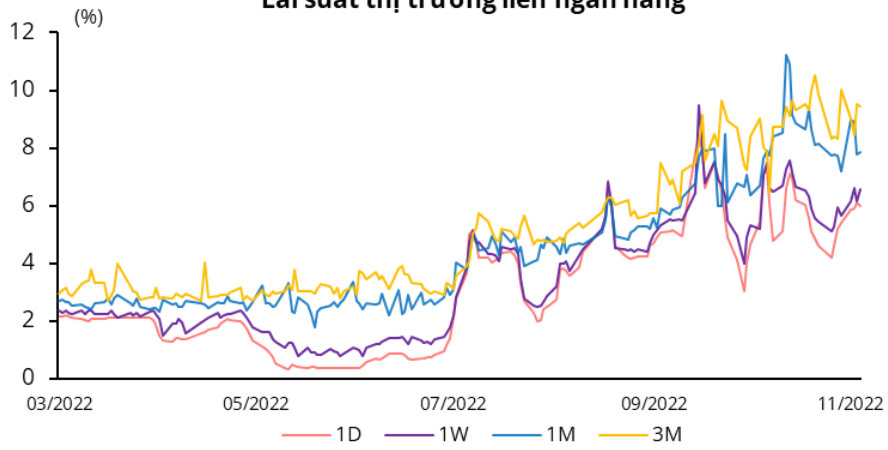
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	105.96	-0.69	-4.50	-2.31	10.75	
VND/USD	24,802	-0.02	-0.19	5.86	8.66	
KRW/USD	1,324.20	-1.19	-7.61	-0.84	11.38	
JPY/USD	139.19	-0.84	-5.91	1.98	20.95	
EUR/USD	0.96	-0.67	-4.14	-4.04	9.41	
SGD/USD	1.38	0.07	-2.80	-0.85	2.06	
CNY/USD	7.17	0.63	-1.43	4.61	12.73	

Hàng hóa

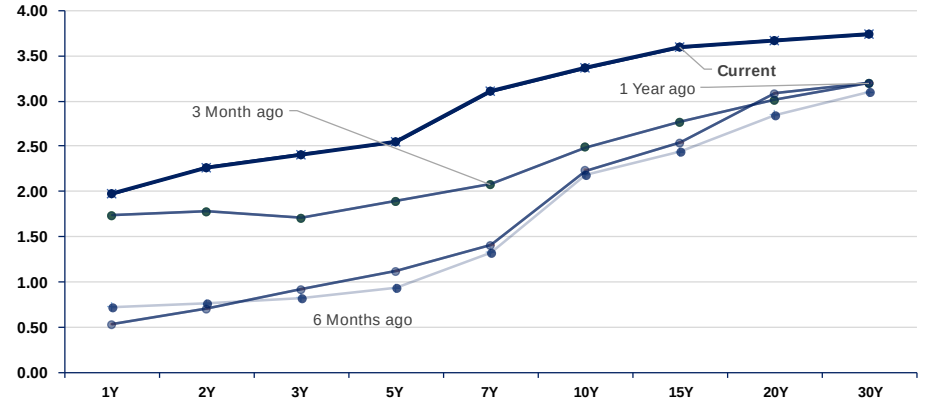
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	76.28	-6.57	-10.60	-17.55	1.42	
Xăng	232.82	-5.15	-20.16	-17.21	4.47	
Gas	7.02	10.28	25.14	-25.08	88.31	
Than	360.80	5.05	-7.05	-13.58	112.74	
Vàng	1,754.93	0.24	6.16	-0.21	-4.06	
Bạc	21.75	3.84	12.39	12.97	-6.71	
Platinum	983.56	0.17	7.01	10.85	1.53	
Quặng sắt	92.74	-0.38	-1.98	-11.97	-17.56	
Thép cán	3,863.00	0.00	0.26	-4.12	-18.66	
Lúa mì	775.50	-3.87	-7.10	0.75	0.62	
Ngô	668.00	0.07	-2.66	1.60	12.60	
Gỗ	422.30	-4.11	-13.53	-18.79	-63.21	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Shinhan Securities

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.